TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày: 22-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-DS ngày 15/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 06/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Lưu Thị Ph, sinh năm 1980 và ông Võ Văn Ng1, sinh năm 1973; Cùng thường trú: Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ hiện nay: Số U4, đường T4, tổ V4, khu phố X4, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ng, bà K, bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Ph, ông Ng1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Lưu Thị Ph và ông Võ Văn Ng1 có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Lưu Thị Ph. Cụ thể như sau:

Ngày 11/12/2021, bà Lưu Thị Ph và ông Võ Văn Ng1 đã mượn số tiền 41.600.000 đồng, trong đó 21.600.000 đồng mượn để đóng bảo hiểm và 20.000.000 đồng để tiêu dùng trong gia đình.

Vợ chồng bà H đã yêu cầu bà Ph trả nợ nhiều lần, tuy nhiên bà Ph luôn hứa hẹn nhưng không trả tiền.

Nay, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr khởi kiện buộc bà Lưu Thị Ph và ông Võ Văn Ng1 có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm: Tiền nợ gốc 41.600.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 13.485.333 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 55.085.333 đồng (Năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 thống nhất trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2025, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lưu Thị Ph trình bày: Bà Lưu Thị Ph và ông Võ Văn Ng1 là vợ chồng. Ngày 11/12/2021, bà Nguyễn Thị H có bán cho bà Lưu Thị Ph 01 gói bảo hiểm giá 21.600.000 đồng và cho bà Lưu Thị Ph mượn 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền mua bảo hiểm này bà Lưu Thị Ph không có tiền đóng nên bà H cho bà Lưu Thị Ph mượn. Số tiền 41.600.000 đồng này, bà H có lập giấy mượn tiền cho bà Lưu Thị Ph ghi ngày 11/12/2021, việc mượn tiền không thỏa thuận trả lãi, hẹn góp mỗi ngày là 260.000 đồng cho đến khi trả hết. Giấy mượn tiền do bà H ghi, trong giấy chỉ có chữ ký của bà Lưu Thị Ph. Bà Lưu Thị Ph đã trả cho bà H được 01 khoản tiền nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu. Sau đó, vì kinh tế gia đình khó khăn nên bà Lưu Thị Ph không thực hiện được việc góp tiền trả nữa.

Nay, bà H, ông Tr khởi kiện tại Tòa án buộc vợ chồng bà Lưu Thị Ph có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr số tiền gồm: Tiền nợ gốc 41.600.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 13.485.333 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), thì bà Lưu Thị Ph có ý kiến như sau:

+ Số tiền này bà Lưu Thị Ph mượn 01 phần để đóng bảo hiểm cho cá nhân bà Ph, 01 phần để lo chữa bệnh cho bà Ph, do đó, không liên quan đến chồng bà.

+ Bà Ph đã trả cho bà H được 01 khoản tiền góp, như vậy, bà chỉ còn nợ lại bà H, ông Tr 01 khoản tiền thấp hơn so với bà H yêu cầu, vì vậy, bà Ph sẽ gặp bà H để chốt lại khoản tiền này, sau khi chốt được số tiền còn nợ bà Ph đồng ý sẽ trả số tiền đó.

+ Đối với tiền lãi, bà Ph xin nguyên đơn miễn cho bà Ph số tiền như yêu cầu. Nếu không miễn được tiền lãi thì xin được giảm ½ số tiền lãi.

- Bị đơn ông Võ Văn Ng1 trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu

cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Lưu Thị Ph, ông Võ Văn Ng1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 06/5/2025 và ngày 22/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

+ Về nội dung: Thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ mượn tiền thể hiện qua Giấy mượn tiền ngày 11/12/2021 với tổng số tiền là 41.600.000 đồng, do bà Ph ký xác nhận nợ vay. Theo xác minh của Tòa án, bà Ph và ông Ng1 là vợ chồng. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện buộc bà Ph, ông Ng1 cùng chịu trách nhiệm trả tiền cho bà H là phù hợp.

Về lãi suất: Theo Giấy mượn tiền ngày 11/12/2021, nội dung không thỏa thuận về lãi suất, ghi góp hàng ngày 260.000 đồng. Như vậy, buộc vợ chồng bà Ph, ông Ng1 phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo lãi suất 0,83%/tháng, kể từ ngày 22/5/2022 đến ngày 15/4/2025 là 02 năm 10 tháng 23 ngày trên số tiền nợ gốc 41.600.000 đồng là 12.004.234 đồng. Tổng số tiền vợ chồng bà Ph, ông Ng1 phải trả cho bà H là 53.604.234 đồng. Không chấp nhận đối với phần lãi suất nguyên đơn yêu cầu kể từ ngày 12/12/2021 đến ngày chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ngày 22/5/2022 là 1.841.493 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Lưu Thị Ph, ông Võ Văn Ng1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 06/5/2025 và ngày 22/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B3 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyển số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bà Lưu Thị Ph và ông Võ Văn Ng1 phải thanh toán số tiền 55.085.333 đồng (Năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), gồm: Tiền nợ gốc 41.600.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 13.485.333 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Nộp kèm là bản chính Giấy mượn tiền ngày 11/12/2021.

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 11/12/2021 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung: bà Lưu Thị Ph, sinh ngày 1.1.1980, số căn cước W, chồng Võ Văn Ng1, sinh ngày 1.1.1973, số căn cước W, hiện ở tổ V4, khu phố X4, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B, nay có mượn của bà H số tiền 21.600.000 đồng để đóng bảo hiểm và mượn thêm 20.000.000 đồng. góp BH 1 ngày 60.000. tổng cộng 41.600.000 đồng. Sẽ góp hàng ngày 260.000. Có chữ ký của bà Lưu Thị Ph.

Bị đơn bà Lưu Thị Ph thừa nhận ngày 11/12/2021 có lập Giấy mượn tiền với nguyên đơn, nội dung giống như Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bà Ph xác nhận từng có nợ nguyên đơn số tiền 41.600.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.1] Tại Phiếu xác minh ngày 19/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, được Công an thị trấn Đ4 cung cấp: Ông Võ Văn Ng1, sinh ngày 01/01/1973, số căn cước công dân 060073010014 và bà Lưu Thị Ph, sinh ngày 01/01/1980, số căn cước công dân 060180012018 là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2007, do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ4 cấp ngày 02/7/2007, đăng ký thường trú tại Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B. Tuy nhiên, căn nhà đã bán vào khoảng năm 2021. Hiện nay, ông bà đang sinh sống tại đường T4, tổ V4, khu phố X4, thị trấn Đ4. Thông tin họ tên, quan hệ vợ chồng, địa chỉ khớp với thông tin cá nhân được ghi trong giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Xét thấy quá trình tố tụng, mặc dù ông Ng1 không đến tòa án làm việc, không có ý kiến gửi đến Tòa án và giấy mượn tiền do một mình bà Ph ký kết,

nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà Ph thì mục đích mượn tiền để mua bảo hiểm và chữa bệnh cho bà Ph, như vậy, số tiền mượn dùng để chăm sóc sức khỏe cho bà Ph, là nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ đó có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà Ph, ông Ng1 theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm trả tiền nợ thuộc về cả hai vợ chồng bà Ph, ông Ng1.

Bị đơn bà Lưu Thị Ph cho rằng đã trả cho bà H được 01 khoản tiền, tuy nhiên không có chứng cứ để chứng minh. Như vậy bà Ph, ông Ng1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bà Ph, ông Ng1 thanh toán số tiền nợ gốc cho bà H, ông Tr là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Vì vậy, bà Ph, ông Ng1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 41.600.000 đồng cho bà H là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bà Ph, ông Ng1 thanh toán tiền nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Theo Giấy mượn tiền và sự thừa nhận của hai bên, việc mượn tiền không thỏa thuận tính lãi. Giấy mượn ghi góp mỗi ngày 260.000 đồng. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, có kỳ hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp.

[4.1] Người đại diện nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi tính từ ngày 12/12/2021 đến ngày 15/4/2025 với mức 10%/năm là 13.485.333 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) là chưa phù hợp. Thời gian tính lãi phải được bắt đầu sau khi hết hạn góp tiền.

Số tiền gốc là 41.600.000 đồng mượn ngày 11/12/2021, mỗi ngày góp 260.000 đồng, ngày bắt đầu góp là ngày 12/12/2021, thời gian góp là 160 ngày, vậy ngày hết hạn góp là ngày 20/5/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 21/5/2022 đến ngày 15/4/2025 (02 năm 10 tháng 26 ngày) với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: 41.600.000 đồng x 02 năm 10 tháng 26 ngày x 10%/năm = 12.087.110 đồng (Mười hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn một trăm mười đồng).

[4.2] Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn trên số tiền nợ gốc 41.600.000 đồng từ ngày 12/12/2021 đến ngày 20/5/2022 là 1.398.223 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi tám nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

[5] Về tạm ứng án phí, án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với

quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà H và trường hợp nếu phải chịu án phí thì bà H sẽ là người chịu.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị Ph, ông Võ Văn Ng1, bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Lưu Thị Ph, ông Võ Văn Ng1 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lưu Thị Ph, ông Võ Văn Ng1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 53.687.110 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn một trăm mười đồng), gồm: Tiền nợ gốc 41.600.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 21/5/2022 đến ngày 15/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền 12.087.110 đồng (Mười hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn một trăm mười đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Lưu Thị Ph, ông Võ Văn

Ng1 với số tiền lãi 1.398.223 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi tám nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lưu Thị Ph, ông Võ Văn Ng1 phải chịu 2.684.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H, ông Tr đã nộp. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 1.058.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005159 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung